TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **294**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 328/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Kim Chi Ngọc D, sinh năm 1992; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số I M, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Australia. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoài Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số A B, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Australia. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn, bị đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số I M, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số I M, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phạm Kim Chi Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoài Đ được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2014 tại UBND phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hai bên thiếu sự thông cảm dẫn đến không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2023 nhưng vì nghĩ đến con nên chị và anh Đ chưa làm thủ tục ly hôn. Hiện nay chị và anh Đ đều đang ở Australia. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 04/5/2014. Sau khi ly hôn, vợ chồng chị thống nhất giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng. Anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Hoài Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về thời gian, điều kiện kết hôn như chị D trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2023, vợ chồng anh đã sống ly thân nhưng vì nghĩ đến con nên anh và chị D không ly hôn. Trong khoảng thời gian sống ly thân, anh chị vẫn không thể hòa giải được mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D và anh đã thống nhất làm đơn ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị D trình bày. Khi ly hôn, anh và chị D thỏa thuận giao cháu Nguyễn Bảo S, sinh ngày 04/5/2014 cho anh nuôi dưỡng. Anh tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian ở nước ngoài, anh ủy quyền cho bà Nguyễn Thu H (là bà ngoại cháu S) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S cho đến khi anh về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu H trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị D. Sau khi kết hôn, chị D và anh Đ ở cùng bà. Quá trình chung sống, hai anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí đã dẫn đến xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Khoảng tháng 6/2023, chị D sang Australia làm việc. Khoảng vài tháng sau, anh Đ cũng sang Australia. Khi ở nước ngoài, hai anh chị có ở cùng nhau hay không thì bà không nắm được. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh Đ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị D, anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo S. Chị D và anh Đ thống nhất giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng. Trong thời gian ở

nước ngoài, anh Đ ủy quyền cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S cho đến khi anh Đ về Việt Nam, bà đồng ý.

Tại phiên tòa: Chị D, anh Đ, bà H đều vắng mặt, có đơn và quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận xử cho chị Phạm Kim C Ngọc Diệp được ly hôn anh Nguyễn Hoài Đ. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con của chị D và anh Đ, giao cháu Nguyễn Bảo S, sinh ngày 04/5/2014 cho anh Nguyễn Hoài Đ nuôi dưỡng, trong thời gian anh Đ ở nước ngoài tạm giao cháu S cho bà Nguyễn Thu H (bà ngoại) tiếp tục nuôi dưỡng cháu S đến khi anh Đ về Việt Nam. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Phạm Kim Chi Ngọc D và bị đơn anh Nguyễn Hoài Đ hiện đang sinh sống và làm việc tại Australia, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thành phố H, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các văn bản mà chị D, anh Đ gửi về và ủy quyền cho bà Nguyễn Thu H nộp thay gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt của chị D; bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt của anh Đ đều có xác nhận của T tại S, Australia nên được xác định là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa, chị D, anh Đ, bà H vắng mặt, đều có đơn và quan điểm xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Kim Chi Ngọc D và anh Nguyễn Hoài Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố

H, tỉnh Hải Dương vào ngày 12/3/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị D và anh Đ đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay chị D và anh Đ đang ở Australia. Nay chị D và anh Đ cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D có đơn xin ly hôn, anh Đ đồng ý. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn của chị D và anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 04/5/2014. Hiện cháu S đang ở cùng bà ngoại là Nguyễn Thu H. Sau khi ly hôn, chị D và anh Đ thống nhất giao cháu S cho anh Đ nuôi dưỡng, cháu S có quan điểm ở cùng bố. Trong thời gian ở nước ngoài, anh Đ nhờ bà H chăm sóc cháu S cho đến khi anh Đ về Việt Nam, bà H đồng ý. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị D chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Kim C Ngọc D và anh Nguyễn Hoài Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hoài Đ được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 04/5/2014 kể từ tháng 08/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu S cho bà Nguyễn Thu H nuôi

dưỡng trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Kim Chi Ngọc D tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) do bà Nguyễn Thu H nộp thay, theo Biên lai thu tiền số 0000798 ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị D đã nộp đủ án phí. Hoàn trả chị D số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí còn lại.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa